

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ- ST

Ngày 29-5-2024

V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ

- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tâm- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06-5-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21-5-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1993- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1990- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị N và anh Bùi Văn D kết hôn với nhau ngày 25-9-2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị N và anh D chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm, không chăm lo đời sống gia đình vợ con. Chị N và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2023 không quan tâm đến nhau nữa. Chị N xác định tình không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị N và anh D có ba con chung tên là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 8-9-2014, cháu thứ hai là Bùi Anh T, sinh ngày 08-02-2019 và cháu Bùi Tuấn A, sinh ngày 08-02-2019. Cả ba cháu T, Tuấn A, Anh T đang sống cùng chị N và chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị N được ly hôn anh D; giao ba cháu T, Anh T và Tuấn A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; chị N phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Lê Thị N và anh Bùi Văn D kết hôn với nhau ngày 25-9-2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh D chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm, không chăm lo đời sống gia đình vợ con. Chị N và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2023 không quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng

như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về phía anh D trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh D biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 24-4-2024 ở Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y nơi chị N và anh D cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không quan tâm, không chăm lo đời sống gia đình vợ con. Chị N và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2023 không quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị N được ly hôn anh D.

[4] *Về con chung*: Chị N và anh D có ba con chung tên là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 8-9-2014, Bùi Anh T, sinh ngày 08-02-2019 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 08-02-2019. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả ba cháu T, Tuấn A và Anh T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh D trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh D biết việc chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 24-4-2024 ở Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Các cháu T, Tuấn A và Anh T đang sống cùng chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các cháu T, Tuấn A và Anh T sống cùng chị N từ nhỏ, nguyện vọng của cháu T muốn được sống cùng chị N. Từ khi anh chị sống ly thân các cháu vẫn sinh sống học tập ổn định cùng chị N. Để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự sáo trộn về môi trường sinh hoạt, học tập của con chung nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung của chị N có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao 03 cháu Anh Thu, Tuấn A và Anh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Bùi Văn D

2- *Về con chung xử*: Giao 03 cháu Bùi Thị Anh T, sinh ngày 8-9-2014, Bùi Anh T, sinh ngày 08-02-2019 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 08-02-2019 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001699 ngày 08-4-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị N, anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA, KT

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh